

Nghiên cứu

CHÂU ÂU

EUROPEAN STUDIES



- THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI EVFTA
- VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
- QUYỀN LỰC CHUẨN TẮC CỦA EU TRONG QUẢN TRỊ TOÀN CẦU VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
- CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở VƯƠNG QUỐC ANH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU

TỔNG BIÊN TẬP

PGS. TS. NGUYỄN AN HÀ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS. TS. ĐẶNG MINH ĐỨC

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. NGUYỄN AN HÀ

GS.TS. NGUYỄN QUANG THUẬN

GS. VŨ DƯƠNG NINH

GS.TS. ĐỖ ĐỨC BÌNH

PGS.TS. ĐINH CÔNG TUẤN

GS.TS. VŨ DƯƠNG HUÂN

PGS.TS. HOÀNG KHẮC NAM

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC MINH

PGS.TS. ĐẶNG MINH ĐỨC

Toà soạn và văn phòng quảng cáo

Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: TBT: 84.24.3537 9170

Phòng Biên tập và Trị sự:

84.24.3537 3502

Fax: 84.24.3537 4905

Website:

<http://www.ies.gov.vn>

E-mail:

tapchichauau@yahoo.com**MỤC LỤC**

Trang

CHÍNH TRỊ - AN NINH CHÂU ÂU**1. ĐINH CÔNG TUẤN**

3

Việt Nam trong Chính sách Đối ngoại của Liên minh Châu Âu

2. NGUYỄN THỊ HẠNH & VÕ HOÀNG LINH

15

Quyền lực chuẩn tắc của EU trong quản trị toàn cầu về biến đổi khí hậu

KINH TẾ - PHÁP LUẬT CHÂU ÂU**3. NGUYỄN THỊ NGỌC**

26

Vấn đề bảo vệ môi trường của Slovakia

4. NGUYỄN BÍCH THUẬN

39

Bảo đảm tài chính cho hệ thống hưu trí ở Vương quốc Anh

5. ĐẶNG THÁI BÌNH & ĐỖ DIỆU HƯƠNG

50

Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ cao ở Vương quốc Anh

LỊCH SỬ - VĂN HOÁ - XÃ HỘI CHÂU ÂU**6. ĐINH MẠNH TUẤN**

61

Định hướng đổi mới và sáng tạo trong chính sách công nghiệp của Liên minh châu Âu

7. CHỮ THỊ NHUẬN

67

An ninh con người trong các chính sách an ninh của Liên minh Châu Âu

QUAN HỆ VIỆT NAM - CHÂU ÂU**8. NGUYỄN CHIẾN THẮNG & PHẠM HÙNG TIẾN &**

78

HOA HỮU CƯỜNG & BÙI VIỆT HÙNG

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La trong bối cảnh triển khai EVFTA

9. TRỊNH THÀNH VINH

93

Nông nghiệp chính xác ở Liên minh Châu Âu

THÔNG TIN**10. Hội thảo khoa học: “Chính sách của Nga và SNG đối với người nước ngoài và một số tác động tới cộng đồng người Việt Nam”**

102

**THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP
VÀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI EVFTA**

Nguyễn Chiến Thắng*

Phạm Hùng Tiên**

Hoa Hữu Cường***

Bùi Việt Hưng***

Lời Toà soạn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Viện Friedrich Naumann Foun vì Tự do (Friedrich Naumann Foundation for Freedom - FNF).

Tóm tắt: *Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (TNXH) được hiểu là “bốn phận của doanh nghiệp đối với môi trường, các nhóm lợi ích và tài chính. Trong đó, các nhóm lợi ích bao gồm: các nhà đầu tư, nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, chính phủ, các hiệp hội thương mại, các nhóm bảo vệ môi trường”. Hiện nay, một bộ phận nhỏ doanh nghiệp (DN) và hợp tác xã (HTX) nông nghiệp trên địa bàn Sơn La thực TNXH khá tốt và đạt những kết quả như mong muốn. Tuy nhiên, phần lớn DN và HTX chưa có nhận thức đầy đủ nên thực hiện TNXH vẫn hình thức dẫn đến việc sản xuất kinh doanh còn gây ra những bức xúc đối với xã hội như: ô nhiễm môi trường, vi phạm đạo đức kinh doanh, an toàn thực phẩm... Trong bối cảnh triển khai EVFTA, để tiếp cận và thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Sơn La sang thị trường EU đòi hỏi các cấp chính quyền của tỉnh, DN, HTX không chỉ nắm vững về quy trình sản xuất, các quy định của EVFTA mà còn phải thực hiện TNXH đầy đủ.*

Từ khóa: *EVFTA, doanh nghiệp, hợp tác xã, nông nghiệp, trách nhiệm xã hội*

*** PGS.TS, Viện Nghiên cứu Châu Âu**

**** TS, Phó Giám đốc quỹ FNF (CHLB Đức)**

***** TS, Viện Nghiên cứu Châu Âu**

Nhận bài ngày: 8/10/2020

phản biện xong: 28/10/2020

Chấp nhận đăng: 15/11/2020

Abstract: *Corporate social responsibility (CSR) is understood as “corporate responsibility to the environment, groups of interests and financial, in which interest groups include: investors, employees, customers, suppliers, governments, trade associations, environmental groups”. Currently, a small part of agricultural enterprises and cooperatives in Son La province actually have quite good social responsibility and achieved the desired results. However, most enterprises and cooperatives are not fully aware, so the implementation of CSR is still formal, leading to their production causing problems such as environmental pollution, violation of business ethics, food safety etc. In the context of EVFTA implementation, in order to access and promote the export of Son La agricultural products to the EU market, it requires the authorities, businesses, and cooperatives of the province not only understanding of EVFTA’s production processes and regulations but also fully implement of CSR.*

Keywords: *EVFTA, corporate, cooperatives, agriculture, social responsibility*

Hiệp định Tự do Thương mại giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) đang mở ra cơ hội cho các DN và HTX sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản của Sơn La trong việc thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng kim ngạch và thị phần tại thị trường EU. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội này, các DN và HTX của tỉnh phải vượt qua những thách thức từ EVFTA cũng như những vấn đề nội tại của mình như: khả năng vượt qua hàng rào kỹ thuật (TBT), hệ thống kiểm dịch động thực vật (SPS), vấn đề sở hữu tuệ, chỉ dẫn địa lý, phát triển bền vững, TNXH của doanh nghiệp... Trong khi đó, hệ thống cơ chế chính sách tỉnh vẫn chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện; các DN và HTX sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản của tỉnh phần lớn có quy mô vừa và nhỏ với tiềm lực tài chính hạn hẹp, công nghệ sản xuất, chế biến lạc hậu, trình độ quản lý chưa đáp

ứng được yêu cầu thực tiễn và đặc biệt chỉ có rất ít DN và HTX tại Sơn La có nhận thức cũng thực hiện đầy đủ TNXH còn lại phần lớn chưa nhận thức được hoặc thực hiện một cách hình thức; đây là những thách thức đặt ra đòi hỏi phải có những giải pháp cụ thể cho vấn đề này.

1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

1.1. Khái niệm

Thuật ngữ trách TNXH xuất hiện chính thức lần đầu tiên trong cuốn sách “Trách nhiệm xã hội của doanh nhân” (Social Responsibilities of the Businessmen) của Howard Rothmann Bowen xuất bản năm 1953, nhằm mục đích tuyên truyền và kêu gọi người quản lý tài sản không làm tổn hại đến các quyền và lợi ích của người khác, kêu gọi lòng từ thiện nhằm bồi hoàn những thiệt hại do các doanh nghiệp làm tổn hại cho xã hội.

Tiếp đó, TNXH được biết đến phổ biến hơn với luận điểm nổi tiếng của Milton Friedman: “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ làm tăng lợi nhuận của họ”. Nhìn nhận ở góc độ rộng hơn, Carroll (1991), cho rằng TNXH được xem là tất cả các vấn đề kinh tế, pháp lý, đạo đức và lòng từ thiện của một tổ chức mà xã hội mong đợi trong mỗi thời điểm nhất định, tùy vào doanh nghiệp mà người quản lý có thể chọn vấn đề nào là quan trọng trong bốn mức độ trên.

Từ năm 2003, khái niệm TNXH do nhóm Phát triển Kinh tế tư nhân của Ngân hàng Thế giới đưa ra đã được chấp nhận và sử dụng rộng rãi nhất. Theo đó, TNXH của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility hay CSR, là “Cam kết của DN đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng,... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội”¹.

Như vậy, theo quan điểm của chúng tôi, TNXH đã được dịch chuyển từ quan điểm truyền thống: *trách nhiệm xã hội cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận và tạo ra giá trị cho các cổ đông trên cơ sở thực hiện kinh doanh có đạo đức và tuân thủ pháp luật chuyển dần sang quan điểm hiện đại với: trách nhiệm xã hội của doanh*

ng nghiệp là bốn phận đối với môi trường các nhóm lợi ích và bốn phận về tài chính, Trong đó, các nhóm lợi ích bao gồm: các nhà đầu tư, nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, chính phủ, các hiệp hội thương mại, các nhóm bảo vệ môi trường

Tóm lại, dù diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song nội hàm phản ánh của TNXH về cơ bản đều có điểm chung là bên cạnh những lợi ích phát triển riêng của từng DN phù hợp với pháp luật hiện hành thì đều phải gắn kết với lợi ích phát triển chung của cộng đồng xã hội.

1.2. Các khía cạnh trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Nội hàm của TNXH bao gồm nhiều khía cạnh liên quan đến ứng xử của doanh nghiệp đối với các chủ thể và đối tượng có liên quan trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, từ người sản xuất, tiếp thị, tiêu dùng đến các nhà cung ứng nguyên liệu, vật liệu tại chỗ, từ đội ngũ cán bộ, nhân viên cho đến các cổ đông của doanh nghiệp, trong đó, có cả trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên, môi trường mà thực chất cũng là có trách nhiệm chung với lợi ích cộng đồng xã hội, bao gồm cả những hoạt động nhân đạo, từ thiện, hoạt động đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

Các khía cạnh của TNXH bao gồm 4 khía cạnh sau:

Khía cạnh kinh tế: Tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao tính cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng là những điều kiện tiên

¹ Ngân hàng Thế giới, Public Policy for Corporate Social Responsibility (2003)

quyết. Điều này là đương nhiên bởi DN được thành lập trước hết vì mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Bên cạnh đó, DN là một thành tố cấu tạo nên xã hội, do vậy chức năng kinh doanh cần được ưu tiên và đặt lên hàng đầu. Có thể nói, trách nhiệm kinh tế là yếu tố nền tảng và các trách nhiệm còn lại đều phải dựa trên trách nhiệm kinh tế của DN.

Khía cạnh pháp lý: Trách nhiệm pháp lý hay còn được gọi là trách nhiệm tuân thủ pháp luật chính là một phần của bản cam kết giữa DN và xã hội. Nhà nước có trách nhiệm mã hóa những quy tắc, chuẩn mực đạo đức, xã hội vào các văn bản pháp luật. DN dựa trên cơ sở đó sẽ theo đuổi các mục tiêu về kinh tế của mình dựa trên những chuẩn mực, quy tắc trong các bộ luật được ban hành. Cùng với trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm pháp lý là hai bộ phận cơ bản nhất và không thể thiếu đối với TNXH.

Khía cạnh đạo đức: Trên thực tế, những chuẩn mực xã hội luôn biến đổi, vì thế những chính sách pháp luật chỉ có thể theo sau trong quá trình biến đổi này. Do đó, pháp luật không thể phản ánh hết những đòi hỏi về những quy tắc ứng xử của xã hội. Ngoài ra, DN cũng phải thực hiện những nghĩa vụ, quy tắc ngoài luật hay chính là trách nhiệm đạo đức. Việc thực hiện trách nhiệm đạo đức là tự nguyện đối với mọi DN nhưng lại có vai trò trung tâm đối với TNXH (ví dụ như: việc thực hiện nghỉ phép có lương, chế độ cho nhân công làm thêm ca, uy tín đối với đối tác, quan hệ tốt đối với khách hàng...).

Khía cạnh nhân văn và từ thiện: Là những hoạt động của DN đã vượt qua sự kỳ vọng của xã hội. Ví dụ như: trao quà cho trẻ mồ côi, tài trợ học bổng cho học sinh sinh viên... Trách nhiệm từ thiện khác trách nhiệm đạo đức ở chỗ, DN thực hiện trách nhiệm này “hoàn toàn tự nguyện”, không chịu sức ép từ bất kỳ đâu. Nếu DN không thực hiện TNXH tới mức độ này thì họ vẫn được coi là đã đáp ứng đầy đủ trách nhiệm mà xã hội trông đợi.

1.3. Lợi ích khi thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Góp phần điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh

TNXH của DN là cam kết đạo đức của DN về sự đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội bằng cách nâng cao đời sống của lực lượng lao động và gia đình họ, đồng thời nó mang lại các phúc lợi cho cộng đồng và xã hội, sẽ cải thiện tình hình tài chính, giảm chi phí hoạt động, nâng cao uy tín, quản lí rủi ro và giải quyết khủng hoảng tốt hơn, thúc đẩy cam kết với người lao động, quan hệ tốt với Chính phủ và cộng đồng, tăng năng suất... Bên cạnh đó nếu người lao động có các điều kiện môi trường làm việc thuận lợi sẽ thúc đẩy họ làm việc tốt hơn tạo điều kiện cho DN tiếp cận với thị trường thế giới, mở rộng thị trường cho sản phẩm của mình.

Góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của DN

Thực hiện tốt TNXH sẽ giúp nâng cao uy tín của DN, doanh nhân, từ đó DN sẽ được hưởng nhiều lợi nhuận kinh tế. TNXH giúp DN tăng giá trị thương hiệu và uy tín đáng kể. Uy tín giúp DN tăng doanh thu, hấp dẫn các đối tác, nhà đầu tư và người lao động.

Góp phần tăng lợi nhuận cho DN, TNXH có mối liên hệ tích cực đến lãi đầu tư, tài sản và mức doanh thu. TNXH sẽ tạo ra cơ sở thành công cho tất cả các hoạt động kinh doanh quan trọng, mặt khác giúp DN giảm thiểu chi phí sản xuất an toàn, tiết kiệm. Bởi vậy, những DN thành công nhất chính là các DN nhận thấy được vai trò quan trọng của TNXH và áp dụng nó vào thực tiễn sản xuất.

Góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia. TNXH là xu thế tất yếu và mang tính toàn cầu, thực hiện TNXH làm tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

2. Thực trạng thực hiện TNXH tại các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La

Dự án nghiên cứu về “Trách nhiệm xã hội (TNXH) tại các doanh nghiệp và Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Sơn La trong bối cảnh thực hiện Hiệp định EVFTA” do Viện Friedrich Naumann Stiftung für die Freiheit (FNF Việt Nam) tài trợ với mục tiêu của dự án là đánh giá việc thực hiện TNXH của các DN và HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La để từ đó phát hiện những hạn chế và tồn tại để đưa ra khuyến nghị tăng cường thực hiện TNXH trong bối cảnh triển khai

EVFTA. Thông qua việc phân tích số liệu thu thập được qua bảng câu hỏi và phỏng vấn đối với 50 doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp tại 4 huyện của tỉnh Sơn La từ tháng 9/2020-10/2020 (gồm các huyện Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mai Sơn và Mộc Châu) cũng như phỏng vấn các lãnh đạo và chuyên viên tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La và các phòng nông nghiệp tại 4 huyện được chọn khảo sát, có thể thấy bức tranh chung về việc thực hiện TNXH tại các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

2.1. Nhận thức của các DN, HTX đối với trách nhiệm xã hội

Qua kiểm chứng về sự hiểu biết của đại diện các DN/HTX nông nghiệp Sơn La trong khuôn khổ khảo sát cho thấy, 98% số DN/HTX đều khẳng định họ có nghe đến khái niệm này. Tuy nhiên, việc hiểu đúng về nội hàm trách nhiệm xã hội theo chuẩn mực quốc tế thì chưa được đầy đủ. Kết quả thu thập được cho thấy có 58% người được hỏi cho rằng: TNXH là tổ chức tham gia các hoạt động từ thiện, 66% cho rằng trách nhiệm xã hội là bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh, hay 68% thì nói rằng trách nhiệm xã hội tức là tuân thủ pháp luật.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, so sánh giữa doanh nghiệp với các HTX thì các doanh nghiệp có hiểu biết hơn về khái niệm TNXH.

Để hiểu rõ hơn, mức độ tiếp cận nguồn thông tin về TNXH mà các DN/HTX có

được, chúng tôi cũng ghi nhận 42% số DN/HTX cho rằng, họ nắm bắt được thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng; 14% từ các đối tác và 29% từ các cơ quan chính quyền, chỉ có 7% số DN/HTX cho rằng họ tiếp cận được nguồn thôn tin từ Liên đoàn Lao động hay tổ chức Công đoàn.

Theo chúng tôi, việc nắm bắt các thông tin về TNXH từ phía chính quyền, các cơ quan chức năng của các DN/HTX còn khá hạn chế, đây chính là nguyên nhân cho thấy tỉ lệ các DN/HTX nhận thức đầy đủ về nội hàm, phương thức thực hiện TNXH còn hạn chế.

Hình 1: Các kênh tìm hiểu về trách nhiệm xã hội của các DN/HTX trên địa bàn tỉnh Sơn La

Đơn vị: %



Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Mặc dù chỉ hiểu một phần về nội hàm trách nhiệm xã hội, song có đến 35% số DN/HTX cho rằng họ chưa từng thực hiện. Phần lớn các DN/HTX đều đánh đồng thực hiện TNXH với từ thiện, ủng hộ, nên khi được mời hoặc kêu gọi ủng hộ từ phía chính quyền, các DN/HTX mới tham gia chứ chưa chủ động trong việc lập các kế hoạch ngắn hạn hay dài hạn để thực hiện các hành động này.

Tỉ lệ các DN/HTX đã thực hiện TNXH theo cách hiểu đơn giản trên cũng cho thấy một phần lý do các DN/HTX thực hiện: Thấy cần thiết cho hình ảnh/quảng bá DN chiếm đến 29%, hay theo yêu cầu của khách hàng chiếm đến 18%.

Như vậy, cũng có thể nhận thấy, dù thực hiện TNXH chỉ ở một khía cạnh nhỏ, đơn thuần là đóng góp cho cộng đồng địa phương bằng các hoạt động từ thiện, các DN/HTX cũng đã ghi nhận mức độ quan trọng đối với

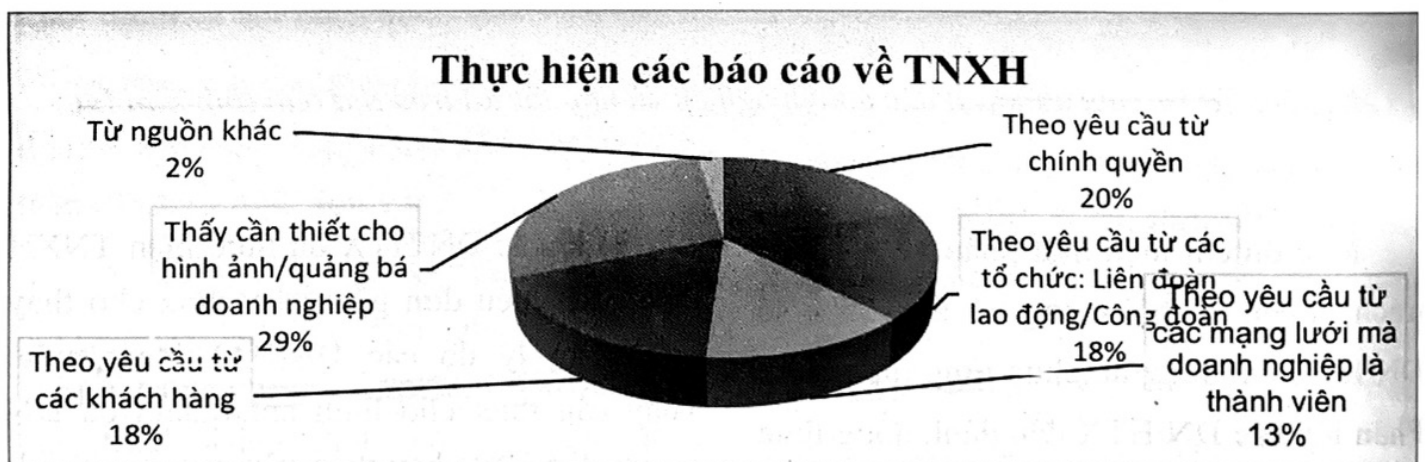
việc thực hiện TNXH, đây được xem là nhân tố, tác nhân tạo dựng được hình ảnh, vị thế cũng tạo ra lợi thế trong cạnh tranh.

Kiểm chứng với những kết quả thu được từ bảng hỏi, nhóm nghiên cứu cũng đã có những trao đổi, tọa đàm khoa học các cơ quan chính quyền địa phương cho thấy, việc yêu cầu các DN/HTX thực hiện theo một tiêu chuẩn riêng về TNXH chưa được áp dụng. Tuy nhiên, các tiêu chí riêng cụ thể về quản lý chất lượng sản phẩm nông sản, tiêu chí về môi trường đối với việc xả thải trong sản xuất, về nguồn nhân lực, hay các quy định đảm bảo an toàn sản xuất, người lao động... được lồng ghép trong các quy định của các chính sách của tỉnh.

Kết quả điều tra trên đây cũng cho thấy DN/HTX đã hình dung được sơ bộ về TNXH, song để hiểu rõ và thực hiện TNXH theo một chương trình, chiến lược vẫn chưa được áp dụng, khá nhiều đại diện các DN/HTX đánh đồng TNXH với hoạt động từ thiện, dẫn đến việc thực hiện chỉ mang tính hình thức, hạn chế. Đây là một vấn đề tồn tại cần được khắc phục trong thời gian tới để không chỉ ở cấp quản lý DN/HTX mà người lao động trong DN/HTX và cộng đồng địa phương cũng cần phải hiểu biết sâu rộng hơn về khái niệm và bản chất các hành động thực hiện TNXH để việc thực hiện TNXH mới có hiệu quả.

Hình 2: Thực hiện báo cáo về trách nhiệm xã hội của DN/HTX

Đơn vị: %



Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2.2. Thực hiện trách nhiệm xã hội theo từng nội dung

2.2.1. Trong lĩnh vực môi trường

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, tỉ lệ các DN/HTX không có giấy phép bảo vệ môi trường, hoặc giấy phép về môi trường không còn hiệu lực đang ở mức khá cao với

26 DN/HTX chiếm 52%. Đặc biệt, có đến 60% số HTX, DN không thực hiện công tác báo cáo tính hình về bảo vệ môi trường hàng năm cho các cơ quan quản lý nhà nước.

Mặc dù phần lớn các DN/HTX không có các phương án, hoạt động đánh giá tác động môi trường, không áp dụng các biện pháp xả thải trong sản xuất, song 100% số DN/HTX được phỏng vấn đều cho rằng, họ không nhận được bất cứ phản nản nào về ô nhiễm môi trường từ phía cộng đồng địa phương.

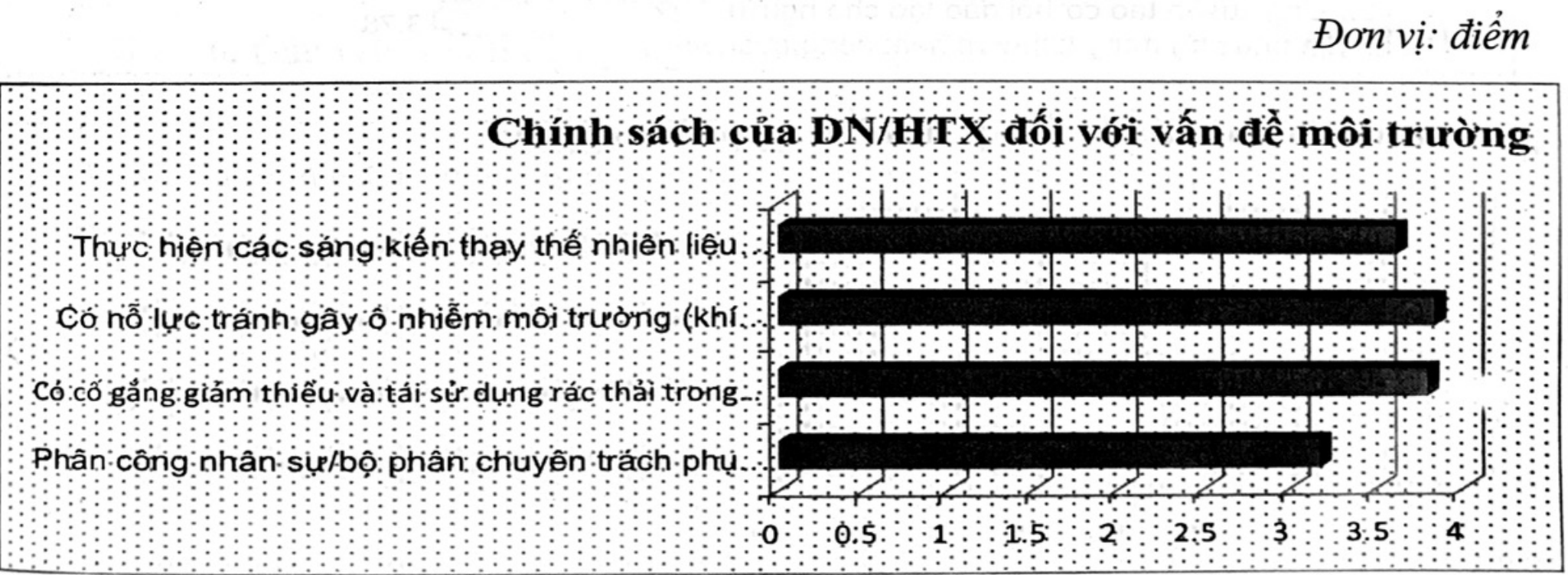
Bên cạnh đó, qua quan sát nhận thấy phần lớn HTX nông nghiệp trên địa bàn 4 huyện được khảo sát vẫn đang sử dụng công nghệ sản xuất (chè, cà phê) còn lạc hậu nên gây ra tiếng ồn khá lớn, lượng khí thải, xả

thải chỉ được xử lý ở mức độ đơn giản như nâng độ cao của ống xả khí, hoạt động hợp tác về công nghệ giữa các HTX với viện nghiên cứu, các trường đại học còn ở mức thấp.

Nhằm tìm hiểu rõ hơn về các hoạt động gắn với bảo vệ môi trường, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ lựa chọn. Phương pháp đánh giá với giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum) / n = (5-1)/5 = 0.8

Ý nghĩa các mức như sau: 1.00 – 1.80: Chưa nhận thức được; 1.81 – 2.60: Đã nhận thức được nhưng chưa thực hiện; 2.61 – 3.40: Đã lên kế hoạch để thực hiện; 3.41 – 4.20: Đã thực hiện một phần; 4.21 – 5.00: Đã thực hiện đầy đủ.

Hình 3: Chính sách của Doanh nghiệp và HTX trên địa bàn tỉnh Sơn La đối với vấn đề môi trường



Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Theo kết quả thu được cho thấy giá trị trung bình dao động trong khoảng từ 3.41 - 4.220, điều đó có nghĩa các DN/HTX đều đã

thực hiện một phần về các sáng kiến về “Sử dụng năng lượng tái tạo”, có những nỗ lực trong hoạt động “tái sử dụng rác thải trong

quá trình sản xuất”... Như vậy, để tạo được lòng tin, sự tham gia mang tính chủ động hơn đối với các DN/ HTX, theo chúng tôi, cần có sự phối hợp của tất cả các bên liên quan trong việc thực hiện TNXH.

2.2.2. Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người lao động

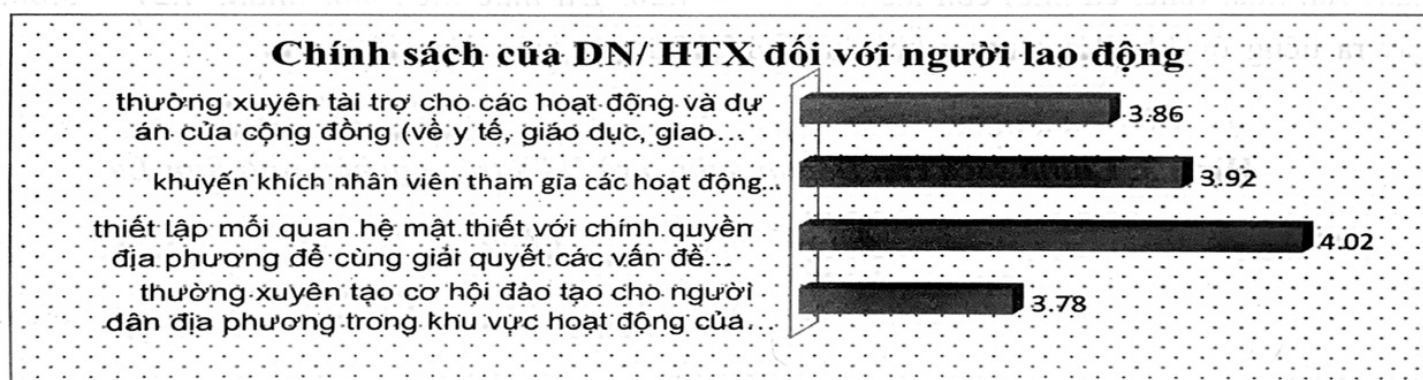
Để làm rõ các nội dung của TNXH đối với người lao động, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng hỏi tìm hiểu các nội dung thực hiện theo 03 nội dung chính: (1) Chính sách của DN/HTX đối với người lao động; (2)

Môi trường làm việc; (3) Tuyển dụng, quản lý người lao động.

Kết quả khảo sát về chính sách đối với người lao động cho thấy các DN/HTX cũng đã nhận thức và thực hiện một phần chính sách khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động xã hội công đồng ở địa phương, thực hiện các chương trình, chính sách nhằm tạo điều kiện cho người lao động cân bằng giữa công việc với cuộc sống riêng tư (ví dụ: làm việc tại nhà, thời gian làm việc linh hoạt...).

Hình 4: Chính sách của DN và HTX trên địa bàn tỉnh Sơn La đối với người lao động

Đơn vị: điểm



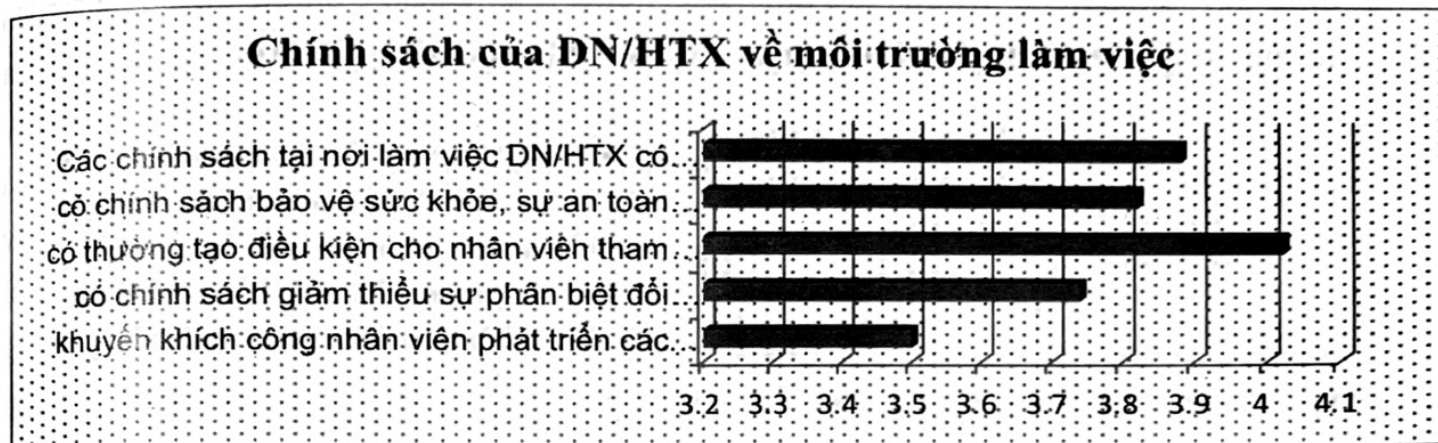
Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Về môi trường làm việc, mức độ thực hiện cao nhất đạt được ở tiêu chí tạo điều kiện cho nhân viên tham gia bàn thảo các vấn đề quan trọng của DN/HTX. Phỏng vấn sâu một số HTX cho thấy, việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho các thành viên xã viên đều có sự tham vấn và minh bạch đối

với người lao động. Hầu hết các DN/HTX đều cho rằng họ có chính sách và đang thực hiện một phần về “giảm thiểu sự phân biệt đối xử với và giữa những người lao động tại nơi làm việc”, “chính sách bảo vệ sức khỏe, sự an toàn và quyền lợi khác của người lao động tại nơi làm việc”...

Hình 5: Chính sách của DN và HTX trên địa bàn tỉnh Sơn La về môi trường làm việc

Đơn vị: điểm



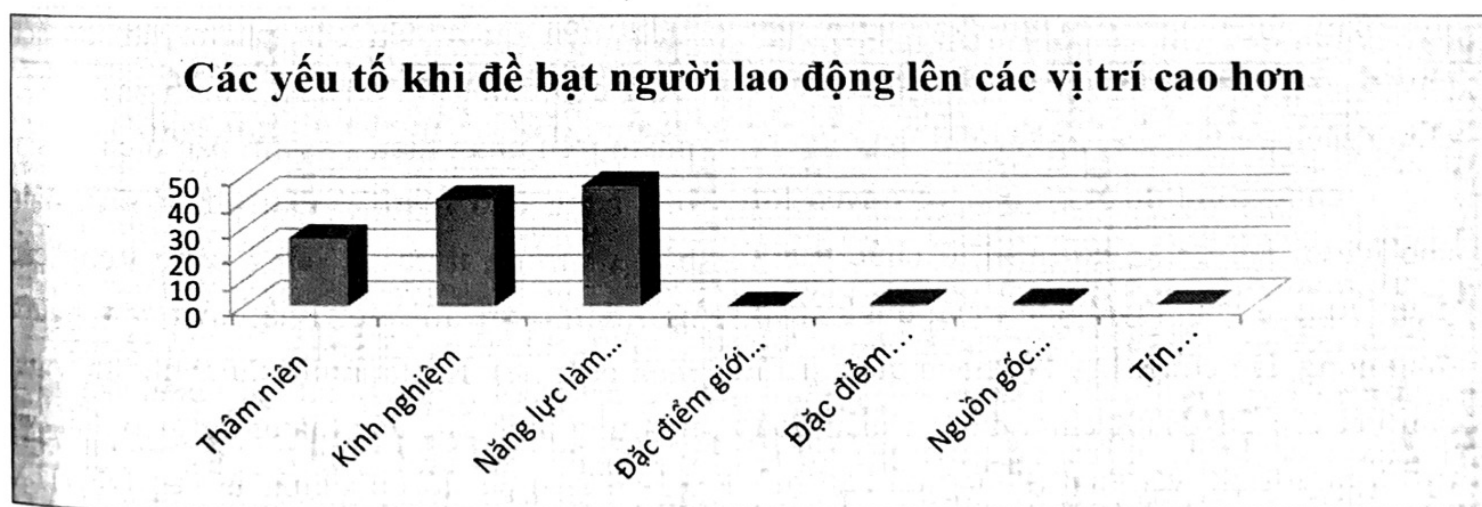
Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Trong lĩnh vực tuyển dụng và quản lý người lao động, các DN/HTX đều cho rằng họ lựa chọn các tiêu chí về kinh nghiệm, thâm niên công tác cũng như năng lực của người lao động để cất nhắc lên vị trí cao hơn như quản lý tổ nhóm lao động, phụ trách các vấn đề về kỹ thuật canh tác... hơn là các yếu

tổ về giới tính, hay nguồn gốc xuất thân. Theo nhóm nghiên cứu, những quyết định như vậy sẽ tạo ra sự minh bạch, công bằng và cơ hội phân đầu hơn cho người lao động. Song việc mà các DN/HTX ở Sơn La cần ban hành và sớm thực hiện các chính sách về quản lý về thực hiện TNXH của DN và HTX

Hình 6. Các yếu tố khi đề bạt người lao động lên vị trí cao hơn trong DN và HTX

Đơn vị: điểm



Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát còn cho thấy, tỉ lệ lớn các DN/HTX trong năm 2019 chưa từng nợ lương của người lao động (84% tương ứng với 42 số DN/HTX chưa từng nợ lương người lao động).

Kết quả này cũng minh họa một phần thực trạng về đình công, lãn công, đòi tăng lương, phá hoại máy móc hay nghỉ việc đồng loạt ở các DN/HTX là chưa xuất hiện ở các DN/HTX Sơn La trong thời gian vừa qua.

Để hiểu rõ hơn về các chính sách quản lý người lao động của các DN/HTX trên địa bàn tỉnh Sơn La, nhóm nghiên cứu đã tiếp tục khai thác thêm những nội dung này theo các quy định của Luật lao động, tiêu chuẩn về quản lý người lao động như ISO 26000. Kết quả cho thấy, hầu hết các DN/HTX đều có các yêu cầu quy định về trang bị bảo hộ (43 DN/ HTX tương ứng với 85% trả lời có chính sách về vấn đề này), hầu hết các DN/HTX cũng cho rằng họ chưa từng gặp, hoặc phải giải quyết về tình trạng tranh chấp lao động giữa giới chủ với công nhân.

Tuy nhiên, việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy định về quản lý lao động như chính sách về tăng ca, ngày nghỉ, hay lập ra các tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động, cơ quan tổ chức trung gian đứng ra giải quyết tình trạng tranh chấp đình công, lãn công, hay hệ thống quản trị ở hầu hết các DN/HTX chưa được chuẩn hóa thành quy trình, văn bản (không có bản mô tả công việc, không có thỏa ước lao động tập thể) ... thì chưa được các DN/ HTX thực hiện một cách đầy đủ.

Bên cạnh đó, phần lớn các DN/HTX tại đây cho rằng hệ thống pháp luật của nhà nước là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến thực hành TNXH, sau đó là nguồn lực của DN/HTX, hiểu biết của DN/HTX, các quy định và môi trường quốc tế, cuối cùng là nguồn nhân lực của DN/HTX. Điều này chứng tỏ việc thực hiện TNXH chủ yếu là theo các quy định của pháp luật, hay những yêu cầu của đối tác đặt ra, mà chưa dựa trên tinh thần tự nguyện nhằm mục đích nâng cao uy tín, sức cạnh tranh, lòng tin của người tiêu dùng nhằm mở rộng thị trường. Đây cũng là một gợi ý giúp các cơ quan quản lý có các biện pháp kịp thời nhằm tăng cường nhận thức cũng như hành động thực hiện TNXH.

2.2.3. Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với đối tác

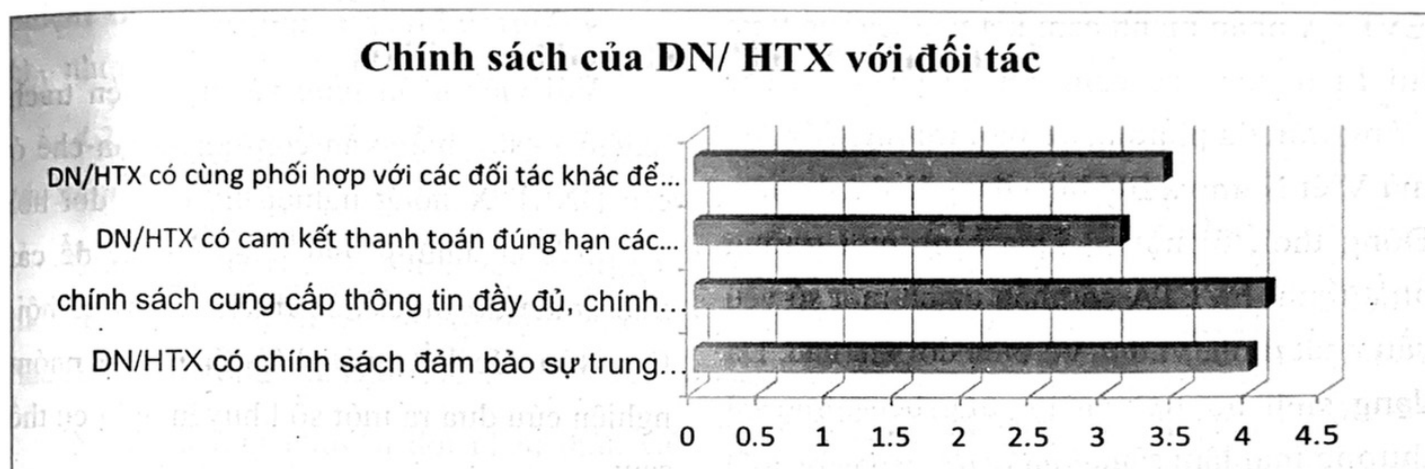
Trong phạm vi của đề tài, nhóm nghiên cứu tập trung khai thác chính sách của DN/HTX trong quan hệ đối tác, như: chính sách phối hợp với đối tác giải quyết các tranh chấp liên quan đến sản phẩm, chính sách cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm trên nhãn hiệu và đảm bảo dịch vụ sau bán hàng cho người mua; chính sách đảm bảo sự trung thực và công bằng trong các hợp đồng với đối tác (nhà cung cấp, người mua hàng...). Kết quả thu được cho thấy giá trị trung bình của các thang đo giao động từ 3.1- 4.2, điều đó có nghĩa là các DN/HTX đều cho rằng họ cũng đã bàn bạc, phối hợp với đối tác giải quyết những bất đồng, trách chấp về sản phẩm được cung cấp, nhằm đảm

bảo lợi ích cho các bên. Các chính sách về cam kết thanh toán (Các đối tác cung cấp

giống, phân bón, thuốc trừ sâu) đều được DN/HTX thực hiện một cách khá đầy đủ.

Hình 7: Chính sách của DN/HTX với đối tác

Đơn vị: điểm



Nguồn: Từ kết quả khảo sát các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Những thuận lợi và khó khăn từ EVFTA đối với việc thực hiện TNXH của các DN và HTX nông nghiệp của Sơn La

Với những nội dung liên quan đến các khía cạnh về kinh doanh, môi trường, lao động và phát triển bền vững trong EVFTA sẽ tạo ra những động lực và cơ hội cho nhưng cũng tạo ra không ít những khó khăn, thách thức cho các DN và HTX nông nghiệp của Sơn La trong việc thực hiện TNXH, cụ thể:

3.1. Những thuận lợi

Với những nội dung liên quan đến các khía cạnh về kinh doanh, môi trường, lao động và phát triển bền vững trong EVFTA sẽ tạo ra những động lực và cơ hội cho các DN và HTX nông nghiệp của Sơn La trong việc tăng cường thực hiện TNXH, cụ thể:

Tạo ra sức ép để thúc đẩy các DN và HTX thực hiện TNXH: EVFTA sẽ tạo cơ hội cho các DN và HTX nông nghiệp trong việc thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản sang thị trường EU khi thuế suất giảm xuống bằng không. Tuy nhiên EU là thị trường có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm và trách nhiệm xã hội nên điều này buộc các DN và HTX phải thay đổi quan điểm trong việc sản xuất và chế biến cũng phải hướng tới các khía cạnh của TNXH một cách đầy đủ.

Thúc đẩy cải cách luật lao động phù hợp với tiêu chuẩn lao động quốc tế, trong chương 13 của EVFTA nhấn mạnh việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam và EU đã cam kết với tư cách là Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các tiêu chuẩn lao động trong Tuyên bố 1998 của

ILO về Các nguyên tắc và các quyền cơ bản tại nơi làm việc.

Thúc đẩy vấn đề bảo vệ môi trường của các DN và HTX, trong chương 13 của EVFTA nhấn mạnh cam kết tăng cường thực thi hiệu quả các cam kết đã có trong các Công ước đa phương về môi trường (MEAs) mà Việt Nam và EU hiện đang là thành viên. Đồng thời, ở một số khía cạnh môi trường nhất định, EVFTA có nhấn mạnh một số yêu cầu nhất định, ví dụ: Về biến đổi khí hậu, Đa dạng sinh học, Quản lý rừng bền vững và thương mại lâm sản.

3.2. Những khó khăn

Khó khăn trong việc thực hiện các tiêu chuẩn về TNXH, EVFTA sẽ tạo áp lực đối các DN và HTX buộc phải áp dụng các thông lệ về môi trường - xã hội phổ biến ở các nước phát triển như EU song còn khá mới mẻ ở Việt Nam nói chung và Sơn La nói riêng nên các DN và HTX sẽ rất khó trong việc áp dụng các tiêu chuẩn này.

Sự hiểu biết của doanh nghiệp, đặc biệt là các HTX nông nghiệp về TNXH chưa đầy đủ. Nhiều doanh nghiệp, HTX chỉ hiểu đơn thuần là làm từ thiện, mà chưa hiểu rằng việc thực hiện TNXH là phải thể hiện trực tiếp trong toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thiếu nguồn lực tài chính và kỹ thuật, một rào cản tác động bất lợi đến việc thực hiện TNXH là do nhiều doanh nghiệp, HTX nông nghiệp hiện nay bị thiếu nguồn tài chính và kỹ thuật để thực hiện các chuẩn

mức TNXH, đặc biệt là các doanh nghiệp và HTX nhỏ và vừa, mà phần lớn doanh nghiệp, HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La hiện đều ở quy mô nhỏ và vừa

4. Một số khuyến nghị

Với việc nhận thức và thực hiện trách nhiệm xã hội hiện vẫn còn nhiều hạn chế ở các DN/HTX nông nghiệp Sơn La, đòi hỏi cần phải có những giải pháp cụ thể để cải thiện mức độ thực hiện trách nhiệm xã hội. Dựa vào các kết quả phân tích trên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị cụ thể sau:

4.1. Đối với các cơ quan quản lý Sơn La

Cần nhanh chóng xây dựng tiêu chí và thể chế hóa thành các quy định cụ thể nhằm đánh giá về trách nhiệm xã hội áp dụng riêng đối với các doanh nghiệp/ HTX nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

Thành lập Phòng/Ban chuyên môn về TNXH với sự tham gia của đại diện các Sở, Ban ngành liên quan (Môi trường, nông nghiệp, lao động- xã hội, tài chính...) hoặc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Sở, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội... trong việc giám sát và xử lý sai phạm đối với việc thực hiện TNXH.

Thực hiện tuyên truyền đối với các DN/HTX về nghĩa vụ và lợi ích của việc thực hiện TNXH. Việc tuyên truyền có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức, như qua các phương tiện thông tin đại chúng, các đợt tập huấn bắt buộc cho lãnh đạo các

doanh nghiệp, các hội nghị, hội thảo khoa học...

Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội (Trao giải thưởng, chứng nhận cho những DN/HTX thực hiện tốt).

4.2. Về phía các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp

Cần thay đổi nhận thức về việc thực hiện TNXH, đặc biệt là đối với đội ngũ các nhà lãnh đạo trong các DN/HTX.

Nhanh chóng chuyển đổi nhận thức và phương thức thực hiện TNXH từ thụ động sang chủ động bằng việc xây dựng các chiến lược trung và dài hạn

DN/HTX cần xây dựng một lộ trình phù hợp trong việc từng bước thực hiện những nội dung TNXH không chỉ phù hợp với các chuẩn mực chung, mà còn được các chủ thể có liên quan chấp nhận, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế của Sơn La đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu và rộng hơn vào kinh tế khu vực và toàn cầu.

Kết luận

Trong bối cảnh thực hiện EVFTA, các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La cần phải nâng cao nhận thức về vấn đề trách nhiệm xã hội cũng như thực hiện vấn đề này một cách nghiêm túc và trên tinh thần tự nguyện. Nếu thực hiện TNXH một cách đầy đủ thì các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh sẽ tận dụng được những cơ hội từ EVFTA để thúc

đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản sang thị trường khó tính như EU khi mà người tiêu dùng rất coi trọng về vấn đề phát triển bền vững, trong đó vấn đề thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là một trong những nội dung được quan tâm hàng đầu khi họ mua và tiêu dùng sản phẩm nông sản nhập khẩu.

Tài liệu tham khảo

1. Aguilera, R., Florackis, C. and Kim, H. (2016), "Advancing the corporate governance research agenda", *Corporate Governance: An International Review*, Vol. 24 No. 3, pp. 172-180.
2. Aguilera, R.V. (2005), "Corporate governance and director accountability: an institutional comparative perspective", *British Journal of Management*, Vol. 16 No. S1, pp. S39-S53.
3. Arora, P. and Dharwadkar, R. (2011), "Corporate governance and corporate social responsibility (CSR): the moderating roles of attainment discrepancy and organization slack", *Corporate Governance – An International Review*, Vol. 19 No. 2, pp. 136-152.
4. Chan, M.C., Watson, J. and Woodliff, D. (2014), "Corporate governance quality and CSR disclosures", *Journal of Business Ethics*, Vol. 125 No. 1.
5. Nguyễn Đình Cung và Lưu Minh Đức (2008), "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Một số vấn đề lý luận và yêu cầu đổi

mới trong quản lý nhà nước ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, số 23/2008, tr 3-11;

6. Carroll, A. B. (1991), *The pyramid of Corporate Social Responsibility. Business Horizon*, July-August, pp. 39-48. [https://doi.org/10.1016/0007-6813\(91\)90005](https://doi.org/10.1016/0007-6813(91)90005)

7. Dương Công Danh (2015), “Nhận thức của người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”, *Tạp chí Kinh tế phát triển*, số 2017, trang 24-32;

8. Phạm Văn Đức (2010), “Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách”, *Tạp chí Triết học*, số 2, tr 17-22;

9. Eva Tabernig (2010) CSR Europe and its National Partners.

10. European Commission (EC). (2011). A renewed EU strategy 2011-14 for corporate social responsibility (COM 2011/681).

<http://eurlex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=COM:2011:0681:FIN:en:PDF> accessed on 4.6.2013.

11. Nguyễn Nga (2020) Sơn La: “Chuyển biến trong công tác bảo vệ môi trường” <https://baotainguyenmoitruong.vn/son-la-chuyen-bien-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-303355.html>

12. Phạm Tố Oanh (2020) “Vai trò của mô hình hợp tác xã trong công tác bảo vệ môi trường - định hướng và giải pháp phát triển” <http://tapchimoitruong.vn/>

13. Thomas., & Lee., 1995. The stakeholder theory of the corporation: Concepts, evidence, and implications. *The Academy of Management Review*, Vol.20, Iss. 1, (Jan 1995): 65.